

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 05 - 02 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Hồng Thẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lệ
2. Bà Hồ Thị Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Lâm Thị Đ**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Ông **Tiêu Liên X**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Đường M, tổ 2, khu phố 6, phường V, thành phố R, Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lâm Thị Đ trình bày:*

Bà Lâm Thị Đ và ông Tiêu Liên X tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình hai bên không hợp nhau, đôi bên thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm rạn nứt. Ông, bà đã ly thân hơn 02 năm nay.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 03 người con chung tên Tiêu Anh P, sinh ngày 31/12/1997; Tiêu Vĩ K, sinh ngày 31/12/2000 và Tiêu Tú T, sinh ngày 09/10/2009.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác nhận không có.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề: Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông X; Về con chung: Bà đồng ý giao cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng con tên Tiêu Tú T, bà không cấp dưỡng nuôi con; đối với 02 người con chung tên Tiêu Anh P và Tiêu Vĩ K đã thành niên, có khả năng tự lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 26/01/2021; biên bản hoà giải ngày 26/01/2021 và tại phiên toà bị đơn là ông Tiêu Liên X trình bày:*

Ông xác định lời trình bày của bà Đ về việc ông, bà chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn, về con chung là đúng. Quá trình chung sống ông, bà thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính tình đôi bên không hợp nhau, bà Đ bỏ nhà đi, từ đó tình cảm ngày càng phai nhạt. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ, thống nhất trực tiếp nuôi dưỡng con tên Tiêu Tú T, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con; tuy nhiên tại phiên toà ông có ý kiến cho rằng ông không còn tình cảm gì với bà Đ, không muốn tiếp tục chung sống nhưng cũng không đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà ,Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1]Về thủ tục tố tụng:**

Bà Lâm Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và con chung với ông Tiêu Liên X, nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Tiêu Liên X là bị đơn có nơi sinh sống tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

#### **[2]Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông X thống nhất khai nhận ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình thì ông X và bà Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con.

Bà Đ và ông X có 03 người con chung tên Tiêu Anh P, sinh ngày 31/12/1997; Tiêu Vĩ K, sinh ngày 31/12/2000 và Tiêu Tú T, sinh ngày 09/10/2009; trong đó Tiêu Anh P và Tiêu Vĩ K đã thành niên, có khả năng tự lao động nên Tòa án không xem xét.

Đối với cháu Tiêu Tú T, bà Đ và ông X thống nhất giao con cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T; đồng thời ông X xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu T cho ông X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do ông X không có yêu cầu.

Ông X cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Đ.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông X không có yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]*Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008778 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Đ và ông Tiêu Liên X là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tiêu Tú T, sinh ngày 09/10/2009 cho ông Tiêu Liên X trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lâm Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông X cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp bà Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Đ.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lâm Thị Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008778 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- THADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Hồng Thắm**